

Số: 54 /KH - GDTXHP

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Công văn 2518/SGDDĐT-VP ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục & Đào tạo Hải Phòng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trung tâm, Trung tâm GDTX Hải Phòng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trung tâm GDTX Hải Phòng giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC

1. Tầm nhìn

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Trung tâm GDTX Hải Phòng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, tận dụng tốt thời cơ cách mạng công nghệ lần thứ tư.

- Trung tâm GDTX Hải Phòng xác định, chuyển đổi số góp phần giúp trung tâm sẽ có những thay đổi cốt lõi sau:

+ Thay đổi cách thức quản lý, chỉ đạo điều hành, hướng đến cách thức quản lý công việc trên nền tảng công nghệ số.

+ Tác động trực tiếp đến đối tượng và các dịch vụ cung cấp của Ngành; qua đó, thay đổi cách tiếp cận các dịch vụ giáo dục truyền thống sang các dịch vụ giáo dục số mà nền tảng là dữ liệu số.

+ Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trên nền tảng dữ liệu số; thúc đẩy đầu tư vào số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT & TT) một cách mạnh mẽ.

+ Phát triển dựa trên nền tảng dữ liệu và cách thức làm việc với ứng dụng CNTT & TT gắn liền với khả năng sử dụng, kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

+ Đa dạng các hình thức, giải pháp tiếp nhận nhu cầu “Học mọi lúc - mọi nơi” của người học, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm mọi công dân được học tập, hướng đến xây dựng xã hội học tập.

2. Mục tiêu chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục

2.1. Mục tiêu chung

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học viên, sinh viên và phụ huynh về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động sức mạnh tổng thể, giúp quá trình triển khai được thuận lợi, đồng bộ.

- Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT & TT trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho Thành phố theo định hướng kinh tế số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện triển khai hệ thống thông tin quản lý bao gồm: cơ sở dữ liệu kết nối, liên thông hệ thống thông tin và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục. Đến năm 2025, Trung tâm GDTX Hải Phòng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị (từ quản lý học viên, sinh viên, giáo viên, cán bộ quản lý đến quá trình học tập, thời khóa biểu, cơ sở vật chất, thu học phí không dùng tiền mặt,...) đồng bộ với hệ thống dữ liệu của ngành.

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm GDTX Hải Phòng theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2025 trung tâm khai thác hiệu quả các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet; 100 % học viên, sinh viên của trung tâm được tiếp cận internet và kho học liệu trực tuyến; hoàn thành việc xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống dạy — học trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến), kiểm tra - đánh giá. Đến năm 2025, trang thông tin điện tử của trung tâm cung cấp đầy đủ thông tin (cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ,...) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tập trung chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử; xây dựng nền quản lý giáo dục thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Các nguyên tắc định hướng trong việc chuyển đổi số giáo dục

3.1. Nguyên tắc chung

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chính quyền điện tử, chính phủ số và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chú trọng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), các hệ thống IoT và các công nghệ giáo dục thông minh,... góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dạy - học, tạo điều kiện tốt nhất để người dân học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Góp phần xây dựng hệ thống, hoàn thành chương trình chuyển đổi số của ngành giáo dục thành phố.

3.2. Nguyên tắc về công nghệ

- Phù hợp với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch số 4725/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định, hướng dẫn của Sở, Bộ; phù hợp tổng thể về Công nghệ thông tin của Ngành Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

- Tận dụng tối đa các công nghệ hiện đại trên nguyên tắc bảo đảm tính trung lập về kỹ thuật công nghệ, ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn mở, công nghệ mở, mã nguồn mở.

- Công nghệ đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao; đảm bảo về mặt tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai từng giai đoạn để đảm bảo giáo viên trong đơn vị, phụ huynh và học viên, sinh viên thích ứng với thay đổi.

- Có các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin đầy đủ cho các thành phần trong mô hình giáo dục thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục theo lộ trình phù hợp.

3.3. Nguyên tắc về dữ liệu

- Dữ liệu là nền tảng quyết định trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng giáo dục thông minh. Dữ liệu cần được kế thừa, phát triển và lưu trữ lâu dài, là tài nguyên cốt lõi để triển khai chuyển đổi số. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý cơ sở dữ liệu.

- Dữ liệu hình thành trong hoạt động của trung tâm là tài sản của trung tâm và của ngành giáo dục thành phố; được quản lý bởi trung tâm, ngành Giáo dục và Đào tạo, được chia sẻ dùng chung nhằm phục vụ các hoạt động của ngành cũng như của cơ quan nhà nước hướng đến việc phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học viên, sinh viên, người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Dữ liệu Trung tâm GDTX Hải Phòng tuân thủ các tiêu chuẩn mở, đảm bảo tính đồng bộ vận hành, tránh đầu tư trùng lặp. Tất cả các dự án mới phải nghiên cứu khả năng chia sẻ và mở rộng trên nền tảng hạ tầng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng hiện hữu.

- Đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao: tuân thủ phương châm tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai theo từng giai đoạn để đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học viên, sinh viên, người dân, doanh nghiệp và chính quyền có thời gian thích ứng thay đổi.

3.4. Huy động nguồn lực

- Chuyển đổi số cần huy động mọi nguồn lực trong đó nguồn lực từ ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố là then chốt, là quyết định và nguồn lực xã hội hóa là động lực.

- Luôn tạo cơ hội để khuyến khích hợp tác sáng tạo; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách và hành lang pháp lý để triển khai các mô hình cộng tác để cùng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số giáo dục.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học viên, sinh viên về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, của CNTT & TT trong lĩnh vực giáo dục.

- Tăng cường sự tham gia của phụ huynh, học viên, sinh viên cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội) để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học viên, sinh viên sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

- Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy phát triển CNTT giáo dục tại thành phố trong việc phát triển các sản phẩm ứng dụng nền tảng giáo dục số “make and made in Việt Nam”.

- Xây dựng quy trình về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trong phạm vi toàn trường. Biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục.

1.2. Xây dựng các văn bản hướng dẫn, điều hành

- Xây dựng các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu trong ngành Giáo dục thành phố.

- Hướng dẫn về ứng dụng CNTT & TT trong trung tâm.

1.3. Phát triển cơ sở dữ liệu giáo dục

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên môn trên nguyên tắc cơ sở dữ liệu được tập trung được lưu trữ một cách có hệ thống và lâu dài. Cơ sở dữ liệu giáo dục do trung tâm quản lý, vận hành và khai thác.

- Ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành và là nền tảng để triển khai các ứng dụng trực tuyến.

- Phát triển nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu về Giáo dục và Đào tạo, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu giáo dục và các hệ thống giáo dục chuyên ngành khác.

- Xây dựng và phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh

thái dữ liệu mở trong trung tâm có kết nối với ngành Giáo dục và Đào tạo và mạng thông tin giáo dục quốc gia cũng như hệ sinh thái dữ liệu số Hải Phòng.

1.4. Xây dựng nền tảng số

Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu trung tâm gồm các thành phần chính như:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.
- Kết nối thanh toán điện tử.
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu giáo dục.
- Liên thông các hệ thống thông tin.
- Phát triển các nền tảng ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Phối hợp với sở, ban ngành để triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh các Hệ thống thông tin của ngành.
- Triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia các lớp đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động,... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục. Bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ vận hành, khai thác dữ liệu trong việc vận hành và triển khai các ứng dụng CNTT trong giáo dục.
- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT & TT cho giáo viên và cán bộ quản lý qua các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên.

2. Giải pháp

2.1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động điều hành và quản lý giáo dục

2.1.1. Triển khai nền tảng quản trị trung tâm tích hợp không gian làm việc số, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và hướng đến học viên, sinh viên.

2.1.2. Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý trong trung tâm và triển khai ứng dụng hồ sơ điện tử: phiếu báo giảng, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, sổ đăng bộ; thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với trung tâm trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và Cổng thông tin điện tử của trung tâm.

2.1.3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (tại địa chỉ:

<http://csdl.moet.gov.vn>;

<https://csdl.haiphong.edu.vn/>;

<https://temis.csdl.edu.vn/temis>, ...

theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT; đảm bảo tất cả các báo cáo dữ liệu đầy đủ chính xác và đúng thời hạn.

2.1.4. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về xét tuyển học viên, sinh viên đầu cấp mức độ 3, mức độ 4.

2.1.5. Vận hành hiệu quả Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông giữa Sở với trung tâm thông qua web: <https://csdl.haiphong.edu.vn>

2.1.6. Tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

2.1.7. Triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục tại các địa cổng thông tin điện tử của Bộ và Sở GD&ĐT:

- Cổng thông tin điện tử Bộ GD&ĐT: <https://moet.gov.vn>;
- Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; <https://thituyensinh.vn>;
- Kho học liệu số giáo dục: <https://elearning.moet.edu.vn>;
- Cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT Hải Phòng: <https://csdl.haiphong.edu.vn>;
- Hộp thư điện tử trung tâm: gdtx-thanhpho@haiphong.edu.vn;
- Cổng thông tin điện tử trung tâm: <https://tgdtxhaiphong.haiphong.edu.vn/>;
- Fanpage trung tâm: <https://www.facebook.com/tgdtxhaiphong>
- Fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhlientuchp>

2.1.8. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức thi các Kỳ thi; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo để đảm bảo kết nối thông tin thông suốt, chính xác, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo và tổ chức thi; hỗ trợ hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

2.1.9. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua Internet; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS); thực hiện tốt đánh giá Chuẩn nghề nghiệp CBQL, giáo viên qua hệ thống TEMIS theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.2. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá

2.2.1. Tăng cường áp dụng hình thức dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện, nhu cầu của trung tâm, đóng góp hoàn thành kế hoạch năm học trong điều kiện mới, cụ thể:

- Tiếp tục sử dụng Meet google để lập các lớp học trực tuyến cố định.

- Tập huấn cho giáo viên, cán bộ lớp kỹ năng quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; phối hợp phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy, học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.

- Tận dụng tối đa nền tảng trực tuyến triển khai có hiệu quả các hoạt động như: hướng dẫn học viên, sinh viên tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học viên, sinh viên, kiểm tra đánh giá.

- Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học viên, sinh viên, phụ huynh triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia Cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử của ngành Giáo dục; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của phòng chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng trong trung tâm; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ Cổng thông tin điện tử Bộ, chuyên mục “Hỗ trợ dạy học trực tuyến”.

2.2.2. Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các cơ sở giáo dục.

2.2.3. Thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, trường học thông minh) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của trung tâm.

2.3. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục:

Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GD&ĐT.

- Bộ phận làm công tác thống kê cần lưu ý: Rà soát kỹ và nhập đầy đủ thông tin liên quan; kiểm tra, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số và làm công tác thống kê

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học viên, sinh viên. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong trung tâm, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến gồm: tổ chức và quản lý lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e- learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học.

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong trung tâm; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

2.4. *Rà soát, kiểm toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ*

Rà soát, kiểm toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục trong trung tâm.

2.5. *Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích*

Chú trọng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2.6. *Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong trung tâm*

- Rửa soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet trong trung tâm.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rửa soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh truyền thông tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học viên, sinh viên kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ trung tâm, giáo viên và học viên, sinh viên; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học viên, sinh viên và giáo viên. Đảm bảo dung lượng các đường truyền đảm bảo việc thực hiện các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet phải ổn định, đáp ứng yêu cầu truy cập với dung lượng cao trong các hoạt động giáo dục trong trung tâm.

2.7. *Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông*

Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học viên, sinh viên và phụ huynh về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động giáo dục đào tạo và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

2.8. *Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục.*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số trung tâm

Kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của trung tâm; phân công một lãnh đạo trung tâm phụ trách và viên chức làm đầu mối thường trực triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục tại trung tâm.

2. Ban giám đốc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trung tâm GDTX Hải Phòng giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học viên, sinh viên, sinh viên.

3. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số chỉ đạo việc thực hiện chuyển đổi số trong trung tâm đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo chỉ đạo của ngành và tạo bước đột phá của trung tâm, thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của các bộ phận trong trung tâm.

4. Công đoàn, Đoàn thanh niên truyền thông vận động các thành viên của tổ chức mình tích cực nghiên cứu các văn bản chuyển đổi số, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số trong trung tâm.

5. Các phòng chuyên môn, phòng TC-HC-TV thực hiện tốt công tác truyền thông tới giáo viên, nhân viên và học viên, sinh viên về chuyển đổi số, đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong tổ mình thực hiện tốt các nhiệm vụ trong kế hoạch chuyển đổi số theo chức trách nhiệm vụ.


6. Đối với cán bộ giáo viên, nhân viên không ngừng nghiên cứu, tự học, tự trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ, nhận thức của bản thân trong việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của mình.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trung tâm GDTX Hải Phòng giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đề nghị các bộ phận và cá nhân nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về bộ phận phụ trách.

Nơi nhận: 

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban chỉ đạo CDS trung tâm (thực hiện);
- Cổng thông tin trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thiện

PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số

1. Yêu cầu chung

a) Thủ trưởng cơ sở giáo dục chỉ đạo đơn vị triển khai tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo các nội dung và tiêu chí trong Bộ chỉ số và hướng dẫn của Sở GDĐT.

b) Hồ sơ đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị được thực hiện theo năm học, được cập nhật thường xuyên và đăng tải trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị (lập chuyên mục riêng cho nội dung này).

c) Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp của đơn vị để nâng mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí trong Bộ chỉ số. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các tiêu chí có tính chất thiết yếu, cần thiết cho nhu cầu của đơn vị trong từng giai đoạn.

d) Đối với việc triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý giáo dục và dạy học trực tuyến:

- Ưu tiên hợp tác với các nhà cung cấp có uy tín cao, có đủ năng lực tài chính và năng lực công nghệ để hợp tác tốt cho giai đoạn từ năm 2023 đến 2030;

- Ưu tiên triển khai các ứng dụng trực tuyến, có khả năng kết nối và trao đổi thông tin với các hệ thống thông tin khác (thông qua các API) của Bộ GDĐT và Sở GDĐT đã triển khai và theo kế hoạch chuyển đổi số của ngành;

- Ưu tiên triển khai các giải pháp và ứng dụng miễn phí, mã nguồn mở, có cộng đồng người sử dụng đông đảo.

- Công khai mức thu phí dịch vụ của giáo viên, học viên, sinh viên (nếu có) trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

- Báo cáo Sở GDĐT kế hoạch, kết quả và các vấn đề phát sinh khi triển khai các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý giáo dục, dạy và học.

2. Yêu cầu cụ thể đối với các tiêu chí trong Bộ chỉ số

2.1. Đối với nhóm tiêu chí “1. Chuyển đổi số trong dạy, học”:

- Tiêu chí 1.1 và 1.2: Các kế hoạch, quy chế được ban hành và công khai trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị từ đầu năm học (có thể sử dụng chữ ký số hợp lệ để ký xác thực các văn bản ban hành trên cổng thông tin). Tiêu chí 1.1 và 1.2 không tính điểm, nhưng là điều kiện bắt buộc trong đánh giá theo Bộ chỉ số.

- Tiêu chí 1.3: Có hồ sơ về kế hoạch triển khai áp dụng phần mềm, hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng, các loại hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật. Công khai liên kết đến (đường link) các hệ thống và tên ứng dụng, thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống, mức thu phí (nếu có) trên cổng thông tin của đơn vị.

- Tiêu chí 1.4: Học liệu số được lưu trữ dự phòng trong thiết bị nhớ của đơn vị và đăng tải trên cổng thông tin của đơn vị (có thể qua các LMS). Tạo lập và thường xuyên cập nhật danh mục học liệu số kèm theo đường liên kết truy cập đến học liệu theo kế hoạch giáo dục của đơn vị. Đường liên kết đến học liệu số phải đảm bảo tồn tại ít nhất đến thời điểm cơ quan quản lý giáo dục các cấp công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị hàng năm.

- Tiêu chí 1.5: Đơn vị xây dựng quy chế/kế hoạch/văn bản triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính. Các văn bản thể hiện rõ tên giải pháp phần mềm, hình thức kiểm tra đánh giá. Lưu các đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở thiết bị nhớ ngoài dự phòng của đơn vị.

- Tiêu chí 1.6: Có minh chứng thể hiện trong báo cáo ghi danh sách giáo viên tham gia và có sản phẩm. Ghi rõ hệ tên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng; tên phần mềm và công cụ các giáo viên có thể sử dụng được; danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng trong năm học (được công khai trên cổng thông tin của đơn vị).

- Tiêu chí 1.7: Có minh chứng thể hiện trong báo cáo ghi danh mục thiết bị, hạ tầng sử dụng chuyển đổi số dạy và học. Đối với cấp THPT, mức độ 3 đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học phải đảm bảo mỗi học viên, sinh viên học trên 1 máy tính có thể vận hành tốt các phần mềm phục vụ dạy và học ở thời điểm đánh giá. Phòng studio gồm máy tính có cấu hình đủ mạnh để chạy các phần mềm biên tập phim, hình ảnh và âm thanh; nên trang bị máy quay phim, micro thu âm và loa kiểm tra âm thanh chuyên dụng, nên có giải pháp cách âm/chống phản xạ âm.

2.2. Đối với nhóm tiêu chí “2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục”

- Tiêu chí 2.1: Có minh chứng thể hiện bằng quyết định của thủ trưởng đơn vị. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin của đơn vị. Trong năm học nếu có thay đổi thành viên/phân công nhiệm vụ phải ban hành quyết định kiện toàn/bổ sung.

- Tiêu chí 2.2: Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị.

- Tiêu chí 2.3 và 2.4: Các hệ thống/phần mềm được triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Tiêu chí 2.2). Có thể sử dụng giải pháp của các nhà cung cấp khác nhau cho các nội dung quản lý, nhưng đảm bảo các hệ thống có thể kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL của ngành. Công khai các quy chế/văn bản hướng dẫn, các khoản thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt và các khoản thu phí khác (nếu có), tên phần mềm và nhà cung cấp (hoặc đường link) được triển khai, trên cổng thông tin của đơn vị.

PHỤ LỤC 2**Một số văn bản về triển khai ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục**

1. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
2. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030";
10. Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;
11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng

phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

16. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

17. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

18. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

20. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông.

21. Văn bản số 4267/BGDĐT-CNTT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023.

22. Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

23. Kế hoạch 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

24. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên